

TRITÂN

TẠP CHÍ

知新
雜誌



« NHÀ QUÊ »

HOA-BÀNG

Khi đọc những sách báo do người Pháp viết về xã ta, tôi rất khó chịu về hai tiếng « nhà quê » họ dùng để chỉ hàng người cần-ù, nhần-nại, chần-phiến, giản-dị và dậm-dậm ở thôn quê.

Hai tiếng « nhà quê » họ dùng đây, là để tiêu-biểu hình-dung hàng người quanh năm sống ở sau lũy tre xanh, suốt đời tận tụy với lưỡi cày, bàn cuốc, giải dân hai nắng một sương, không được nghỉ ngơi xi-gà, không được nhìn bợt sấm-hành, không biết bỏ cái phễu vào bóm bầu-củ, và hơn nữa, những cái dè-dẫn khờ-khạo còn bị mấy ngời lí họ phóng đại ra như bộ thư xuống nắp mệng cống mà làm tưởng là thùng thư, chấp tay vái con cóc phun nước mà tin tưởng là « cậu ông Trời... »

Rồi với giọng chế-giễu mỉa mai, mấy nhà cầm bút lại quen dùng hai tiếng « nhà quê » để chỉ những nhân-vật sừng sững vào rình-dò lạc-hậu, có những cử động bash vì thô-kệch, ngờ-ngân, vụng-về...

Thế rồi một số người mình tự-mạng là « văn-minh », ô-ạt hóa theo họ, cũng áp dụng ngay hai tiếng « nhà quê » để nhĩa động-báo n.đ. khi có việc từ quê ra tỉnh, phải dụng chạm với phái « đứ đợ » trong buồng giấy hay trên xe lửa, xe điện, ô-tô hàng...

Lại có một đám nhà văn, vì không suy sâu nghĩ kỹ, thấy trong

hương-thôn có những kẻ hay tranh ngôi thứ, tranh xôi thịt, và làm lắm chuyện gai mắt, chướng tai, bèn « chế-tạo » ra một từ « điền-bình nhân-vật » để giễu-cợt hàng người quê-mùa, cụ-thể, lỗ-lãng và vô ý-thức như Lỗ Tấn đã tạo ra chàng A Q để hình-dung một hạng người Tàu cổ, « nhút-nhát, vô năng, bị người đánh đập nhục nhã mà không dám đánh trả, lại còn than-phiến với người ta rằng: hiện nay lòng người kém xưa, trẻ con mà dám xấc-láo đánh-đập ông già đây! »

Kể về hiện tượng xã-hội, thì những tiếng khinh bỉ là « nhà quê » hoặc những lời chế-giễu bằng cách tạo ra « điền-bình nhân vật » ấy không phải không có lý. Nhưng xét đến nguyên-nhân sâu xa về phương diện tổ chức xã-hội và chế độ cai-trị này khác, thì hàng người đáng thương mà bây nay người ta vẫn quen khinh-khi giễu-cợt kia chỉ là « nạn nhân » của thời-đại, và là « kết-quả tất nhiên » của hời Pháp thuộc.

Vì sao? Vì chế-độ bất lương đã gây nên hàng người đó! Vì chính-sách ngu dân đã sản-xuất ra hàng người đó!

Họ bần-qui, thốn-vệ sinh ư? Là vì họ bị bóc-lột tàn-nhảo, quanh năm ăn thiếu, mặc rách, cừu ánh đi đến con đường chết đói như ngày nay! Suốt đời, họ chỉ lo cho

cái dạ dày còn chẳng xong, thì rồi đâu nghĩ đến vệ sinh gì nữa!

Họ tranh xôi thịt ư? Là vì trải bao nhiêu lâu, họ bị kinh-tế áp-bách, hồi bữa hôm lo bữa mai, chạy được cho cả nhà có mấy bát cơm sung cháo dền đã là gian-nan lắm rồi, chủ còn làm gì có cá, có thịt! Loài người vốn là một sinh-vật quen ăn thịt, một khi ăn uống khăm khở lẽ tất nhiên sinh ra báo bức thêm thường. Vậy vấn-đề xôi-thịt ở « nhà quê » tất phải giải-quyết theo phương-dân kinh-tế.

Sợ dốt-cái ư? Là vì họ nghèo khổ, phải thất học, cả đời phải đau-đớn trong bóng tối ám-tối tăm, không được nhìn thấy ánh sáng giáo-dục. Đó bởi những nhà cầm quyền không làm hết thiên-đức: không lo cho dân đủ cơm để ăn học, không ra lệnh cưỡng bách giáo-dục để cuộc khai-hóa chóng được phổ-cập khắp dân gian!

Thấy dân quê, lắm kẻ cam bán gia tài để mua danh phận, tranh giành từng tí ngôi thứ, nếu ta chịu khó suy-xét một chút, sẽ rõ nguyên cớ tại sao. Nên biết: tự thời dân Pháp trong vòng ngót thế-kỷ nay, lợi dụng cái thái-sắc phong-kiến để thực hành cái dã-tâm bác-tước của tay tư-bản, chúng hồi sức câu-chữ xua-lùa người mình vào đường hư-danh, lại dùng-tung những kẻ quyền-thế đè-nén tiếp-đáp hàng bạch đinh là lớp người ở bực dưới cùng của cái thang

(Xem tiếp trang 13)

Kìa như rồng loài
vật, như cây
mùng, nà, bác, là giống
cây độc-lập, tự mình
đứng thẳng giữa giới,
mặt dầu giống hổ; những
giây sắn, giấy bìm, chỉ
là giống cây leo, không
biết độc-lập, phải nhờ
hoặc một cây cứng khác,
hoặc bờ rào, cột rêu,
thì mới leo lên được.

Trên kia lấy cây cối làm
tỷ dụ, lại khấn tới nhớ
đến câu: « Đại thu chi
hạ kinh cực bất sinh »,
nghĩa là dưới gốc cây to,
gai gốc không mọc đươc ».

NGUYỄN-THƯỜNG

SIA VĂN MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 112

Ung-hoà, NGUYỄN-VAN TỐ

Khoa binh-tuất (1526) là năm thứ năm biểu Thống-nguyên của Lê Hoàng-đệ Xuân (1522-1527), lấy hai mươi ông đồ tiến-sĩ kế tiếp sau này:

Đệ-nhất-giáp tiến-sĩ cấp-đệ đệ nhất danh (trạng-nguyên) là Trần-tất-Văn, người làng Nguyệt-áng, huyện Yên-lão, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Làm quan với Mạc, đến chức thượng-thư, tước Hàn-xuyên bá. Có di sử Tàu. Sinh ra Trần-Tạo đồ đồng tiến-sĩ khoa 1565 (Đặng-khoa bị-khảo, q. Hải-dương, tờ 90 a, và Đặng-khoa-lục, q. 2, tờ 20 a).

Đệ-nhất-giáp tiến-sĩ cấp-đệ đệ nhị danh (bảng-nội) là Nguyễn-văn-Hiến, người làng Cầm-xá, huyện Thuận-ải (Lang-lai), phủ Thuận-an, trấn Hải-dương. Làm quan với vua, di sử Tàu về việc cầu phong. Khi về, vì gỏi từ chương rên mau thảng đến chức tham-chi h. Sinh ra Nguyễn-văn-Diến đồ đồng tiến-sĩ khoa 1535 (Đặng-khoa bị-khảo, q. Kinh-bắc, tờ 125 b, và Đặng-khoa-lục, q. 2, tờ 20 a).

Đệ-nhất-giáp tiến-sĩ cấp-đệ đệ tam danh (thám-hoa) là Lưu-đoãn-Trung, người làng Phương-xá, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-ải, trấn Kinh-bắc. Làm quan với vua Lê. Nhà Lê mất, không chịu theo Mạc (Đặng-khoa bị-khảo,

khảo, q. Kinh-bắc, tờ 105 a, và Đặng-khoa-lục, q. 2, tờ 20 a).

Bốn ông đồ nhị-giáp tiến-sĩ xuất-thân là:

1. — Lê-quang-Bí (hoặc Bôn), người xã Mộ-trạch, huyện Đường-an, phủ Thượng-lóng trấn Hải-dương. Năm hai mươi ba tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1526. Sang sứ Tàu mười chín năm làm quan với Mạc đến chức Lạp-bộ thượng-thư, tước Tô-xuyên hầu, được tặng quận-công. Là con Lê-Nại đồ Trạng-nguyên khoa 1505, là cháu Lê-Tài đồ nhị-giáp khoa 1511, cha con chú cháu đều đỗ đại-khoa (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 20 b). Đặng-khoa bị-khảo, (q. Hải-dương, tờ 16 a) chép hơi khác như sau: Đỗ năm hai mươi một tuổi. Nhà Mạc sai sang sứ Tàu cầu phong, nhà Minh ngờ là dối-trá, giam ở dịch quán (trạm các sứ-thần ở) Nam-ninh mười tám năm, đến lúc về, Mạc Mậu-Hợp phong tước Tô-quận-công, vì như Tô-Vũ.

2. — Ngô-Uớc, Người xã Nghiêm-xá, huyện Thượng-phước, phủ Thượng-lóng, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị-giáp khoa 1526. Làm quan đến phó-đô Ngự-sử. Là con Ngô-Hoàn đồ nhị-giáp khoa 1487, là anh Ngô-Hoành đồ tam-giáp cùng khoa 1526 (Đặng-khoa bị-khảo, q. Sơn-nam, tờ 24 a và Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 20 b).

3. — Nguyễn-bình-Khuê, người xã Văn-thế, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp khoa 1526. Làm quan đến hàn-lâm hiêu-lý. Nhà Lê mất, không chịu theo Mạc. Là con Nguyễn-văn-Hiến (tức Bình-Hòa) đỗ nhị-giáp khoa 1502. Sinh ra Nguyễn-Dĩnh đồ tam-giáp khoa 1583 (Đặng-khoa bị-khảo, q. Kinh-bắc, tờ 105 b).

4. — Lưu-Hịch, Người xã Nhập-mỹ, huyện Từ-liên, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-lâm. Năm hai mươi chín tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1526. Làm quan đến hàn-lâm-viện hiêu-lý. Là con Lưu-văn-Nguyễn đỗ nhị-giáp khoa 1505, (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 20 b, và Đặng-khoa bị-khảo, q. Sơn-lâm, tờ 7 a).

Mười ba ông đồ tam-giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân, kể tiếp sau này:

1. — Phạm-đỉnh-Quang, Người xã Cồ-lâm, huyện Lang-lai, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam-giáp khoa 1526. Làm quan đến hấn-sát-sứ. Nhà Lê mất, không chịu theo Mạc (Đặng-khoa bị-khảo, q. Kinh-bắc, tờ 126 a, và Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 20 b).

2. — Nguyễn-Xưởng, Người xã Ngô-cương, (Đặng-khoa-lục chép là Ngô-dồng), huyện Từ-liên, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam-giáp khoa 1526. Là quan đến Lễ-bộ tả thị-lang. Lúc rảnh giờ Mạc-đáng-Dung cướp ngôi, triều-thần a - dua theo rất nhiều. Ông trông thấy lấy làm đau-rot, buồn-nất lên, không ăn rồi chết. Được truy-lập tước - hương (1533 - 1538) thụy-lục những bốn tước - nghĩa.

T A P - C H I

Ông cũng được dự. Là con Nguyễn và-Định đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1511 (Đặng khoa bị-khảo, q. K nh-bắc, tờ 112 a).

3. — Đàm - đức - Nhuận, Người xã Lưu-khê, huyện Thượng phúc, phủ Thường-tân, trấn Sơn-nam. Năm hai mươi bảy tuổi đỗ tam - giáp khoa 1526. Làm quan đến chức đoán - sự. Đi đánh trận bị mất (Đặng-khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 24-a).

4. — Ngô - Hoàn, Người xã Nghiêm - xã, huyện Thượng - phúc, phủ Thường-tân, trấn Sơn-nam. Đỗ tam - giáp khoa 1526. Làm quan đến chức sát-sứ. Là con Ngô-Hoan, em Ngô-Uớc (xem truyện Ngô-Uớc ở trên. — Đặng - khoa lục, q. 2, tờ 21 a).

5. — Vũ - Huyền, Người xã Thổ-hoàng, huyện Thuận - thi, phủ Khoái-châu, trấn Sơn nam Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1526. Làm quan với nhà Mạc đến chức thị - lang tước văn-quảng tử (Đặng-khoa bị khảo q. Sơn-nam, tờ 72 a).

6. — Hoàng - Thông, Người xã Mạc-xá Mộ-xá, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Nhà ở làng Đan-sĩ, huyện Thanh-oai. Năm mười tám tuổi, đi thi một lần, đỗ đồng tiến sĩ khoa 1526. Làm quan đến giám-sát ngự-sử. Sinh ra Hoàng-Du đỗ nhị-giáp khoa 1532. Là cháu Trích - Thanh đỗ khoa Hoàn-thứ năm 1429. Đặng-khoa lục (q. 2, tờ 21 a) chép Hoàng - Thông là anh Hoàng - Du (Đặng-khoa bị-khảo, q. Sơn-nam, tờ 50 a).

7. — Khổng-tư-Trực, Người xã Đan-bán, huyện Yên-việt, phủ

Bắc - hà, trấn K nh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1526. Làm quan đến tự-khanh Nhà Lê mất không chịu theo Mạc, sau Lê-trung-hưng (1533-1548) bao phong ông làm bực tiết-nghĩa (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 21 a).

8. — Phạm - minh - Lượng, Người xã Kim-lan, huyện Cầm-giáo phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Năm ba mươi một tuổi đỗ tam-giáp khoa 1526. Nguyễn tâu là Quang-Tả. Khoa canh-thị (1520) thi hội đã đỗ, vì giặc tặc nên không được vào thi đình. Khoa này (1526) thi lại đỗ. Làm quan đến thượng-thư, tước bá (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 21 a).

9. — Nhữ-mậu-Tổ, người xã Mộ - trạch, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ tam-giáp khoa 1526. Ông tên là Lý-Tổ. Làm quan với Mạc đến chức Lễ-bộ tả-thị-lang (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 16 b).

10. — Hoàng-việt-Ái, người, xã Thượng-văn-quyết, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Năm hai mươi bảy tuổi, đỗ tam-giáp khoa 1526. Làm quan đến hàn-lâm thị - lang (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn tây, tờ 7 a).

11. — Lương - Glãn, người xã Phú-vệ huyện Đông-hà, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1526. Đỗ cử Tầu. Làm quan với Mạc đến chức Lễ-bộ tả thị lang, lúc mất được tước thượng-thư (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 21 b).

12. — Phạm-vinh-Truyền, người xã Hoa Kiêu, huyện Lạng-lai, phủ Thuận-an, trấn Kinh

bắc. Năm năm mươi ba tuổi đỗ tam giáp khoa 1526. Làm quan với mạc đến chức thượng thư, tước hầu (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 21 b).

13. — Nguyễn-kính-Trung, người xã Đừ-trạch, huyện Tiên-phong, phủ Quảng-oai, trấn Sơn tây. Năm bốn mươi một tuổi đỗ tam giáp khoa 1526. Làm quan đến tự khanh (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn tây, tờ 69).

Trả lời ông Nguyễn-xuân-Huy. Hầu phẩm này ông Nguyễn-xuân-Huy có ra một cuốn « Bình luận văn học » đề là *Viết và sống (tìm nghĩa làm văn)*. Ông viết một đoạn về bài ông nghệ nư thế này. « Cũng tỏ rõ một tâm trạng nhớ tiếc và tán dương cái đẹp thời xưa kia, ta có thể kể những sách khảo luận như *Nho giáo của Trần-trọng Kim, những ông nghệ triều Lê* của Nguyễn-Văn Tố. *Trai nước nam làm gì* của Hoàng-dạo-Triệu, v. v. tr. 71)... Ông Nguyễn-Văn-Tố khi thảo về những ông Nghệ triều Lê ý tất cũng do những lẽ tương tự (một là : Nho giáo là cả lâu dài rồi rất đẹp, ta phải biết nó ; hai là : để nó để đem dung hòa với những học thuyết mới mà ứng dụng) ... » (tr. 72).

Giá ông Nguyễn-xuân-Huy chỉ đoán phỏng như thế, thì cũng không làm sao ; nhưng ông lại viết một cái kể nư thế này ; « ... Từ văn học ca (xem tiếp trang

ĐẠI NAM DẤT SỬ

Số 63

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

XXXV. — Lý Thánh-tông (bài nối)

Kỳ trước đã nói qua về việc Lý Thánh-tông đi đánh Chiêm-thành năm 1069, nay thêm khảo các sách Tàu chép thêm về việc ấy như sau đây :

« Năm Hy-ninh thứ nhất (1068) đời Tống Thần-tông (1068-1085) tháng sáu, ngày đinh-vị, vua nước Chiêm-thành là Dương-bốc tí-ti-luật-đa ban ra sắc-bà (Tạ, thường gọi là Chế-chữ; ở Chiêm-thành viết bằng chữ phạn, gọi là Rudravar-ma III) sai sứ sang Tàu cống phương vật, và xin mua ngựa trạm (kể là 1 di h mã), vua Tàu xuống chiếu cho vua Chiêm-thành một con ngựa trắng, và cho đến Quảng-châu mua la đem về (La chữ Tàu là loa Tống-sử, q. 14, tờ 3 và q. 48 q ở 4 a) vị Chế-chữ được phép vua Tàu cho mua ngựa trạm, nên mới sửa soạn sang xâm lấn nước ta.

Sử ta như bộ Đại-Việt, sử-ký, toàn-thư, (q. 3, tờ 4 b) chép rằng : « cuối năm mậu-thân (1068) nước Chiêm-thành sang dâng voi trắng, sau lại quấy nhiễu ngoài biên ».

Năm kỷ-dậu (1069) là năm thứ nhất hiệu Thần-vũ đời Lý Thánh-tông, tháng hai, ngày mậu-tuất, vua ban chiếu thân làm tướng đi đánh Chiêm-thành. Ngày đinh-vị, làm lễ minh-thệ ở sân rồng. Ngày

canh-dần (?) bắt đầu xuất quân, (quyển G. Maspero *Le Royaume de Champa*, tr 141, cho ngày canh-dần là ngày 16 tháng 2 tây năm 1069, nhưng xét ra không phải ngày canh-dần, vì cứ tính theo hàng can chi, từ ngày mậu-tuất ban chiếu đi đánh đến ngày, định vị làm lễ an thổ là mười ngày, từ ngày định-vị ăn thổ đến ngày định-tị quân đến Nghệ-an lại mười ngày nữa trong khoảng, ấy chỉ có ngày canh-tuất hoặc giáp-hân, chứ không có ngày canh-dần). Ngày đinh-tị, quân đi đến châu Nghệ-an, có con rồng vàng (?) hiện ở thuyền Kim-phượng. Ngày canh-hân đến đậu ở cửa bể Nam-giới (giáp giới huyện Thừa-lộc (nay thuộc Nghệ-an) và Thạch-bá (nay thuộc Hà-tĩnh) tục gọi cửa Suốt) rồng vàng (?) lại hiện ở thuyền Kim-phượng. Ngàyất-sửu, sai đại-hiếu-ban là bọn Hoàng Kiện đánh quân Chiêm-thành ở cửa bể Nhật-lộ (tục gọi cửa thầy, nay thuộc Quảng-bình) : thắng trận. Ngày kỷ-y, đi qua đại-trường-sa (hiện nay ở Quảng-bình có bãi cát thật dài) ; ngày hôm sau (canh-ngọ) đến cửa bể Tư-dung (có tên là Tư-khách, nay thuộc tỉnh Thừa thiên). Đêm hôm quý-dậu (tháng 3 năm ấy), có rồng (?) hiện ở thuyền Cảnh-thắng. Ngày bính-ngọ (cũng năm; bính tý mới phải) quân ta đến đóng ở cửa bể Thi-lí-bì-nại (chữ chàm gọi là C. l. Banoy ; tục gọi là ; cửa nước mằn, nay thuộc Qui-nhơn) có

hai con chim bay ngang nhau, đi theo thuyền vua ta, như có ý dẫn đường (?). Quân nhà vua tiến trước, đóng quân ở bờ sông Tu-mao, thấy tướng Chiêm-thành là Bồ-bi-đa-la bày trận ở bờ sông, quân ta đánh rượt một trận, chém được Bồ-bi-đa-la, quân Chiêm-thành chết không biết bao nhiêu mà kể. Vua Chiêm-thành là Chế-chữ nghe tin quân thua, bèn đem vợ con trốn đi từ đêm. Đêm hôm ấy quân ta xếp túi đất ở ngoài tường thành để làm thang vào thành Phật-thệ, đến bến Đông-la thì nhả dẫn trong thành Phật-thệ xin hàng.

« Đến tháng tư, nguyên-soái là Lý thường-Kiệt bắt sống được Chế-chữ ở địa-phận Chân-lạp (tức Cao-mên bây giờ). Tháng năm, vua Lý yển hương quân thân ở điện vua Chiêm thành lại thân hành mùa cái mọc, đánh quả cầu ở thềm điện vua Chiêm-thành (vũ thuấn kích cầu kỳ giai). Vua Lý lại sai đến khắp những nhà nhân-dân trong thành và ngoài ở thành Phật-thệ, được hơn 2560 khu, đều đốt hết. Trong tháng ấy, thu quân về nước. Ngày quý-tý, quân đóng ở cửa bể Tư-minh; đêm ấy có rồng vàng (?) hiện ở thuyền vua. Ngày kỷ-y (tháng sáu) quân ta đi qua bể, có rồng vàng (?) hiện ở thuyền Kim-phượng. Ngày mậu-thân, qua cửa bể Bồ-chính, có những núi lớn núi nhỏ lởm-chổm, thuyền rồng vấp vào đá bị vỡ. Ngày tân-dậu tháng sáu (tức 17 tháng 7 năm 1069) vua Lý Thánh-tông từ Chiêm-thành về đến nước, đậu ở bến Cửu-dong xuống chiếu các quan phải nghiêm-chỉnh

quân-dang, thính-trần nghi-vệ Vua ngự xe, các quan đều cưỡi ngựa theo hầu hai bên. Vua Chiêm thành là Chế-củ đội mũ đan bằng dây gai, mặc áo trắng lưng bị chổi bằng lụa, năm người võ-dã dắt d. Đồ-dâng và họ-hàng của chế-củ cũng chổi tất cả đi theo sau.

Đến mùa thu, tháng bảy, vua Lý tân tin thắng trận ở nhà Thái-miếu (*Việt sử-lược*, q. 2, tờ 13 b và 14 a).

Vua Lý không giết Chế-Củ. Chế-Củ dâng dĩa ba châu Địa-lý (nay phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng-binh), Ma-linh (nay hai huyện Minh-linh và Đo-linh tỉnh Quảng-trị) và Bồ-chánh (nay ba huyện Bình-chánh, Minh-cố-anh, Bồ-rạch tỉnh Quảng-binh) dâng về nước; Vua Lý bằng lòng cho (*Khâm-định Việt-sử*, q. 3, tờ 29 a).

Trong khi Chế-Củ ở nước ta, thì bên Chiêm thành nổi loạn; sử không chép rõ khi Chế-Củ về nước có được làm vua nữa hay không, chỉ nói rằng năm 1071, 1072, 1074 nước Chiêm-thành có sang cống vua ta, và năm 1072 Chiêm thành tại có sang cống vua Tàu nữa. Có lẽ Chế-củ đánh dẹp bị thua, phải chạy đi ở chỗ khác.

Tống-sử (q. 489, tờ 1 a) có chép rằng: « Năm thứ 7 hiệu Hy-ninh (1074) Lý Kền-đức (tức Lý nhĩ-đĩ-tông) ở Giao châu nói rằng vua Chiêm-thành đem ba nghìn quân và vợ con đến hàng » không thấy nói rõ vua Chiêm-thành lúc bấy giờ tên là gì.

Năm 1069, Lý Thánh-tông đánh được Chiêm-thành, đổi niên hiệu là Thấn-vũ; năm ấy chính là năm kỷ dậu, *Đại-Việt sử-ký, toàn thư* (q. 3, tờ 4 b) chép là kỷ-dậu tỵ nhầm.

Đến năm thứ tư hiệu Thấn-vũ (1072) tháng giêng, ngày canh-dần, vua Lý Thánh-tông mất ở điện Hội-tôn, quần thần dâng sớ hiệu là Ưng-thiên sùng nhân chí-đạo uy-khánh Long-tướng Minh-văn Duệ-vũ biểu-đức thánh-thần hoàng-dế Mếu hiệu là Thánh-tông (*Đại Việt sử ký, toàn-thư*, q. 3, tờ 5 b) Lý Thánh-tông thọ 50 tuổi, trị vì 17 năm. Mãi đến năm ngài 44 tuổi tức là năm bình-ngọ (1066) ngày 25 tháng giêng mới sinh hoàng-tử đặt tên là Kiểu-đức ngày hôm sau lập làm hoàng-hải-tử để yên lòng dân.

Ngày 5 lần đổi niên hiệu, 4 lần trước đều dùng 4 chữ, là Long-thụy-thái-bình (1054-1058); Chương-thánh-gia-khả-h (1059-1065), Long-chương-thần-ư (1066-1067), Thận-tướng-bảo-tướng (1068), còn 1 lần cuối cùng dùng 2 chữ là Thấn-vũ (1069-1072) Nương dãi lời đặt mỗi niên hiệu 4 chữ, đời đời Lý có nhiều (16 niên hiệu dùng 4 chữ) đến đời Trần (1 thế kỷ) mới dùng 2 chữ (17 thế kỷ) còn đến đời Hậu Lê và trước đời Lý

BÁO VÀ SÁCH MỚI

— VẤN MỚI loại mới số 1 ra ngày 5-6-1945 xuất bản mỗi tháng ba lần Tòa báo số 71 phố Tiền Sơn — Hanoi — giá mỗi số 2\$ chủ nhiệm: P. N. Khuê — tạp chí chú trọng về việc kiến thiết tân văn hóa.

Xa giới thiệu với các bạn đọc tờ Văn Mới và chúc bạn đồng nghiệp được trường thọ.

— TRAI NƯỚC NAM VỚI Ô. H.Đ. THỦY của Lương đản Thiệp — Đại học xuất bản giá 6\$00.

— NHỮNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC của Vũ-dịch Hòa — Đại học xuất bản giá 7\$00.

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu hai cuốn sách trên với các bạn.

TRẦN TÂN

là Đ. nh, Lê cũng chỉ đặt 2 chữ mà thôi.

Cùng trong tháng giêng năm nhâm-tý (1072) hoàng-thái-tử Kền-đức lên ngôi vua ở trước cửa Lý thánh-tông đổi niên hiệu là Thái-ninh, Kền-đức bấy giờ mới lên 7 tuổi, tôn sinh-mẫu (mẹ đẻ) là Y-lan nguyên-phi làm hoàng-thái-phi, d'ch mẫu (mẹ đẻ) là thượng dương thái-hậu họ Dương làm hoàng-thái hậu, ba mẹ cùng thủy lâm (bước rằm, 15) đàn bà làm vợ nước, nên dù 3 hũ thủy lâm) thỉnh thỉnh (làm việc công-án) Thái-an là Lý-dạo-thành giúp đỡ.

(Còn nữa)

Ưng-hoà NGUYỄN VĂN-TÔ

Muốn làm giàu mua vé số

Dòng Dương

2\$00 một vé

Nhân lễ kỷ niệm ngày 17 tháng sáu

NGUYỄN THÁI HỌC VÀ CÁC ĐỒNG CHI ĐẠ HY SINH CHO NỀN ĐỘC LẬP

— 17 tháng 6-1931 ! Nguyễn Thái-Học và 12 đồng chí đã lên đoạn đầu đài tại Yên-bái.

— 17 tháng 6-1945 ! Nước ta đã thoát vòng nô lệ !

Mười bốn năm qua !

Cái tang đau đớn ấy của hết thảy người Việt nam như hãy còn ép ở b o rốt đày cay với bao năm uất ức gây nên bởi họ Pháp tham tàn cướp nước.

Mười bốn năm qua !

Những can hồn của 13 vị tử-quốc ấy hãy còn phảng phất khắp đó đây đề thúc gục lòng người sau này mỗi đây trông lại lễ thờ chung.

Mười bốn năm qua !

Cái mộng lớn ấy của các yêu nhân trong Việt-nam quốc dân đảng đã bỏ mình vì nước nay mới thực hiện. Những bậc nghĩa sĩ canh liệt ấy không chịu nổi được sự đàn áp dã man của kẻ thù, không cam lòng ép bề sống đời nô lệ đã đồng lòng vùng dậy, mượn gươm, gáo, súng, đạn để một phen sống mái với quân cường bạo !

Trời đã chẳng chiều người ! Khi plách anh hùng của các bậc ấy cũng đành chịu thua số phận. Máu can hồn của các đồng chí anh hùng từ ngày đó cũng chỉ còn biết lẫn quai trên ngọn cây xanay những lúc canh tàn đêm vắng mà ngậm ngùi quanh dăm đồng hào phải ép bề sống thân trâu ngựa !

Nay thời đại đã đổi mới !

Sự tình cờ của lịch sử đã đem người hiệp sĩ phương xa đến phá giây xiềng xích cho dân đất Việt !

Những bậc liệt sĩ ấy lần cũng được ngậm cười nơi chín suối !

Nhưng bốn phận chúng ta ?

Phải biết ơn các bậc nghĩa sĩ ấy lúc sinh thời chẳng hề đề tâm hồn say mê những cám dỗ dè hèn mà lạng quên chí lớn.

Những bậc ấy « chết không bỏ thẹn với cha ông » đã giấu lòng quả cảm, nặng chí hy sinh, đã bị rùn do thất bại mà ngã mình nhằm mặt bên bờ nghĩa vụ !

Những cái chết vô vang ấy là những tấm gương chói lọi treo đề nghìn thu !

Những cái chết vì nghĩa vụ vì đồng bào ấy là những bài học sâu xa cho người muôn thuở và là những cảnh tỉnh hùng hồn cho những ai mại quốc cầu vinh hại dân tại nước.

Bốn phận thiêng liêng của chúng ta là phải tới nghênh mình trước bàn thờ của các vị anh hùng đã bỏ mình vì nước.

Đến truy điệu các bậc nghĩa sĩ ấy chúng ta không những đề tỏ lòng biết ơn các bậc liệt sĩ đã vì chúng ta ngày nay mà bày tỏ sự biết ơn, nhưng còn đề tỏ cho những ai học là chúng ta đây cũng ham sống những ngày canh liệt như cha ông. Chúng ta mỗi khi đất nước lên tiếng gọi.

Trong huyết quản của chúng ta còn chảy một phần máu của Trần Hưng Đạo của Lê Lợi của Nguyễn Thái Học và của các vị anh hùng cứu quốc, thì mỗi khi máu rịn trong tim trước sự áp bách úc kờ cường quyền, các bậc liệt sĩ bồi chúng ta đã dạy chúng ta phải hy sinh và phải nuôi chí quật cường !

Nay trước khói hương nghi ngút trong ngày lễ truy điệu sắp tới đây trong vườn Bách thảo, trước bàn thờ Nguyễn Thái Học và các đồng chí, chúng ta bày sát cánh đề dâng nhai cam kết theo dõi chí người xưa trong những ngày mai bất trắc.

Không tới dự lễ truy điệu ấy, chúng ta đã cố ý tự tố cáo là người bội bạc chỉ thích sống yên hòa bên cạnh áo cơm thường nhật !

Không đề làm hồn rung động trước khói hương phảng phất anh hồn của các bậc liệt sĩ, chúng ta đã ngang nhiên tự giết chết những mầm sống sôi rỗi trong tim óc của một thiếu thời.

Đến nghênh mình trước bàn thờ các bậc liệt sĩ trong Việt nam quốc dân đảng đã bỏ mình vì nước, chúng ta sẽ tỏ cho người biết chúng ta cũng thêm sống những giờ phút vô vang canh liệt để trả nợ núi sông.

PHẠM-MẠNH-PHÂN

Những ngày cuối cùng của Dương Bá Trạc ở Chiêu-nam

TIỀN-ĐAM

MÙA đông, năm 1943, một năm mà chiến tranh vẫn gào thét ở Thái

bình dương, hai nhà chí sĩ Việt-nam Dương Bá Trạc và Trần trọng Kim cũng vào Sài-gòn, trở ngụy một tháng, rồi đi Chiêu-nam để gặp các bạn đồng chí, hẹn nhau ở đấy.

Nhưng trước khi vận nước thay đổi, Dương đã thở hơi cuối cùng ở Chiêu-nam vào tháng chạp 1944. Còn Trần thì sau này, trở lại nước nhà, gánh vác trọng trách Tổng lý Nội các.

Ngày Dương Bá Trạc ra đi, Dương đã hoàn hảo bao nhiêu việc kịp đến đầu tháng một 1944 đã trải bao nỗi khó nhọc, dọc đường lại chịu những sự khủng-khiếp về các trận ném bom ghê-gớm, một buổi chiều tại chí sĩ đã thấy mình vẫn còn nguyên vẹn mà cùng nhau đang bữa cơm thưởng.

Tại một sự lạ, Dương đã khỏe, không phải vì lo sợ, khỏe với Trần rằng ở ngày bốn ba làm việc nước không nghĩ gì đến thân mình, gia chi dĩ bỏ lại sau lưng nào mẹ già, nào các em, nào gia đình êm đẹp, nhất giai hi sinh cả, nhưng nay thấy người yếu, chỉ sợ sức người có hạn mà việc nước ngổn ngang, vì thế Dương buồn, buồn đã bói kiêu thấy câu:

Tinh kỳ giục giã đã mong
độ về...

Thao ôi! Tráng sĩ từ xưa chỉ có đi mà không về. Dương cũng cùng số mệnh như tráng sĩ mà không trở lại.

Thấy bạn đồng chí khỏe, Trần cũng buồn, lòng hứa quê, nỗi tư gia, bằng khoảng trăm mối.

Hồi năm hôm sau, Dương nhồm bệnh, một chứng quái ác — ung thư trong phổi — phải vào nằm điều trị tại nhà thương Chiêu-nam, lui tới săn sóc chỉ có Trần là người bạn thân.

Khi hấp hối, Trần hỏi Dương có giới-giảng gì không.

Dương — một nhà nho không sao-năng chữ «hiếu» — chỉ dặn lại: «Mai này, hắc về nước, xin đến thăm mẹ già thật báo tôi».

Rồi, trong lúc chiến tranh vẫn còn kịch liệt, nhà chí sĩ họ Dương thở hơi cuối cùng ở bệnh viện.

Maốn đạt cái chí «lão biên» của mình, Dương có ý muốn xin được thủy táng (1) nhưng các nhà đương chức chỉ theo phong tục làm lễ hỏa táng, đựng vào hộp, chờ ngày đem về nước.

Maốn biết rõ rệt ngày cuối cùng của họ Dương tuy vậy không gì bằng đọc lại là thư của Trần tiên-sinh từ Thuận-hóa gửi về Việt-cao-tang quỵên-ngày 20 tháng năm 1945 mà chúng tôi xin mạn phép trích một đoạn dưới đây.

«Cụ Cử Dương ra ở ngoài Chiêu-nam với tôi, chẳng may mắc phải ác chứng ung ở trong phổi, cho nên nước gì cũng không chữa khỏi

Đến khi cơn mất thì làm lễ hỏa táng xong rồi đem đi hài vào đề thờ ở chùa và làm lễ trung-diệu rất kính cẩn.

«Ngày tôi về Bangkok, tôi cũng đem về, rồi nhân có người về Sài-gòn, tôi gửi ông ấy đem hộp tro tàn về để đưa cho ông Dương căn Chương làm thầy thuốc ở Chợ-quán Sau ông Trần quang Vinh chủ hội Cao đài đem về thờ ở đền Cao đài».

Dương bá Trạc tuy đã là người thiên hạ, nhưng đã không bỏ với non sông Việt-nam vì có cái chết đầy ý nghĩa hơn với cái

«Nhân sinh tự cổ như mộng hoa
Tức thế quốc sự như mây nước»

Cái chết «vương thượng» ấy nếu đem so sánh với những cái sống được thì thật là một tấm gương sáng láng cho ai biết yêu nước, thương nòi và hi sinh cho Tổ-quốc.

Để tìm hiểu người xưa chúng tôi đã thấy trong giấy tờ của Dương đề lại (2), và hai thơ tuyệt bút, chưa chứa những mối cảm hoài và lòng trung hiếu.

Đọc mấy vần thơ, ta cũng phải cảm động đứng nơm nức như đã nói: «Con ghim sắp nhổ: tiếng kêu b. thương», nhưng cũng là cái thơ dài cuối cùng của người chí sĩ ở nơi chân trời, gần biển.

(Xem tiếp trang 15)

1) Thủy táng là đem thi hài làm một chiếc lán, rồi chôn ra ngoài khơi mà đánh đắm xuống

2) Thư gửi cho A. Dương tại Quán là báo đệ Dương Bá Trạc

3) Mà Trần tiên-sinh đã đem từ Chiêu-nam về!



LÉNG bom Nhật-bản
đầu tiên ở đất
Việt hồi năm 1940
đã làm cho dân
ta thê lương.

Đến đêm 25 tháng giêng năm
ất dậu (9-3-1945) vừa rồi, tiếng
súng Nhật bình «ôi dật», sua
đuôi không khí bất an, phá
tan về các xóm làng và gọi rủa
những thanh niên, tư tưởng
lại mà dân tộc ta, một phần
bi thêm nhiệm, một phần bị
đầu độc bằng những thủ đoạn
tàn ác hiểm độc của kẻ xâm
lấn.

Từ hôm ấy đến nay, mỗi bản
mặt thời-đại mới, gió bình
minh nhẹ nhàng thổi tới, ánh
nhật-đương rực rỡ chiếu vào
làm cho tư tưởng trong dân
gian thanh cũng đổi mới, hoàn
toàn đổi mới.

Tư tưởng cổ hủ khi xưa, nay
ra bằng bãi mảnh vụn, tư tưởng
ý lợi trước, nay ra cương
quyết tự cường.

Trời đã mới, người càng thêm
mới mới,
Đua mắt sáng sẽ nhìn tận
vân hồi
Ghé vai vào sức vóc cựu
giang sơn.
(Phan Sào Nam)

Muốn chữa trị những sự
đổi mới trên đây, tôi xin dân
cử mấy việc mắt thấy tai nghe,
để gọi một giai đoạn lịch sử
khả quan khả ái về tinh thần
độc lập của quốc dân ta.

Mẹ dạy con «Độc-lập»

Này xưa hề trẻ con quấy
khô, bà mẹ hay lấy «ngoa op»
đọa cho trẻ nín, vì tin «ngoa
op» là ăn thịt người
khoảng nhà Nguyễn trung

hưng, phồng vào cuối thế kỷ
17, bà mẹ lại hay dọa con bằng
«ông Ba Bị» vì ông Ba Bị hay
bắt trẻ con.

Đến khi thuộc Pháp, ngót 80
năm nay, nhiều bà mẹ lại dọa
con bằng món thời trang «Kia
Tà» vì ai ai cũng rõ Tây hay
hà hiếp ức chế.

Từ ngày nước Nam tuyên
bố độc lập, là vẫn vẹn hơn ba
tháng nay, hồng tự nhiên, có
lẽ là ý giới ý dân tức là ý
giới) nhiều bà mẹ dỗ con, dọa
con bằng hai chữ độc lập với
một giọng ôn tồn hòa nhã như
sau :

«Kia con trai nước Việt Nam
độc lập mà lại khóc à! hay
«Độc-lập mà thế à!..»

Ưe phải học chữ tây

Một cậu trò, 9-10 tuổi, này
mấy hôm sau khi độc lập, ở
trường học ông giáo chưa nhận
được mệnh lệnh mới cứ dạy
pháp văn. Cậu ấy về nhà nói
với cha rằng :

«Vẫn còn học chữ tây, ưc
trật!»

Các bà các cô sốt sắng gánh việc nước

Xưa ta vẫn có câu :
Giặc đến nhà,
Đàn bà phải đánh,
dù to cá gao dạ, chí khí của
pháp phụ nữ nước nhà.

Từ ngày độc lập đến giờ,
trên các báo hằng ngày thường
đăng những công cuộc của các
bà các cô đã làm về vang cho
nền giống.

Ở Nam-kỳ, một bà tham dự
với quân đội Nhật vào việc
nước ngoài của người Pháp;
một bà lập một chính đảng để
ủng hộ nền độc lập.

Thời-đại mới, Tư-tưởng mới

Trời đã mới, người càng thêm mới mới...
(Phan Sào Nam)
LONG-ĐIỄN

Lừa dối khách hàng là thiếu tinh-thần độc lập

Trong một tiệm buôn, ông
chủ hiệu rồi thách, bị ông khách
hàng nghiêm nghị bảo rằng :
—«Ngày nay, mà còn nói
thách để lừa dối khách hàng, là
thiếu tinh thần độc lập».

Lười biếng trong chức-sự là không xứng đáng dân nước độc lập

Một viên chức làm tại tòa
Tạm-chính họ hăm hở nhiệt
thành nói với một thương-gia :
—«Xưa có người Tây cầm đầu,
họ nỡ làm bù-nhan ăn lương
hai nước, làm hay không làm
họ chẳng biết đâu. Nay mình làm
cho mình, nên công việc ngày
trước tôi làm ba tháng bây giờ
tôi chỉ làm một tuần, như thế
mới xứng đáng là viên chức
một nước độc lập».

Lạ một vị buôn-đạo khuyển
trách, một viên hương-sư lười
biếng trong tờ tằm tằm ông

Độc-tộc có câu rằng : «Viên
hương-sư này không làm đủ
bốn phần xứng đáng là người
dân một nước độc lập».

Chưa cõ bạc để xứng đáng là dân độc lập

Một ông thống sự hay thích
vui chơi cờ bạc, mà được. Một
hôm, có ông bạn xa lại thăm,
thấy trên tủ còn có cỗ bài, ông
bạn chỉ vào, nhún cười nói :
«Nước Việt-Nam độc lập, mà
còn thế à?...» Ông chủ quả
quyết trả lời : «Thực từ ngày
đảo-định, để quyết không chơi
để xứng đáng là dân một
nước độc lập».

Cai thuốc phiện để xứng đáng là dân độc lập

Tại làng họ một vị tên chi
trẻ tuổi, thê lương, khi được
tin đảo chính, biết sẽ mở màn
một thế lực mới, bên hội tập
những người nghèo trong
vùng, ông khuyên rằng : «Dân
có khỏe mạnh, thì nước mới
bùng cường. Nay nước Việt
Nam đã độc lập, sẽ sung với
các nước trên thế-giới theo vai
thích cảnh; vậy muốn xứng
đáng là dân độc lập để khỏi
lệ với nước, ta phải tự cường
quả quyết trừ bỏ thuốc phiện».

Trong 30 người nghèo, 28
người đồng thanh xin bỏ, duy
có 2 người lưỡng lự lại ghen
thâm hiểm không thể được hành
được, đành trơ lợy ghen ngào
rên 90 năm làm ở phố nhâm

Xem như thế, thì tư-tưởng
và khẩu khí từ trẻ đến già, từ
dân ông tu mi, đến dân bà của
quốc, mới trong vòng ba tháng
mà bốn phương như một, xa
gần như nhau, nhất ban quốc
dân không hận mà nên, không
hào mà biết, một người như
trăm người, trăm người như
nghìn người, đều một loạt,
cùng một tư tưởng, cùng một
quan niệm, cùng một hoài bão
ủng hộ nền độc lập của nước
non nhà, như vậy thực hoàn
cảnh có ảnh hưởng lớn cho tư
tưởng, mà tư tưởng có ảnh
hưởng lớn cho cuộc đời.

Từ mới bắt :
Gia bản chỉ hiểu từ,
Quốc nạn thức trung thần :
Có gặp lúc này, mới rõ ai
có can trường, ai có chí khí
mà trước ngày 25 tháng giêng
mai mới trong đám thường
dân ăn cháo trong hàng quân
chúng.

Nay hoàn cảnh đã sẵn, tư
tưởng đã có, cuộc độc-lập của
ta tất vững, ta nên cùng nhau
đoàn kết, viên thiết quốc gia,
nỗ lực gây cho nước nhà
một nền độc lập xứng đáng
trên trường quốc tế.

Tranh độc lập tự do cho nước,
Cho nước mình cũng được
như ai.

Từ đây cũng có một người
Việt-Nam.

(Kỳ-người hầu Cường-Đào)

Xin lấy 4 câu trên để kết
thức bài này..

LONG-ĐIỄN

PHÉP THI VÕ CỦA TA XƯA

Tinh-phong NGUYỄN-TOẠI



ƯỚC ta khi xưa thường vẫn mở khoa thi võ để lựa nhân tài dùng vào việc binh nhung. Song, phép thi, võ thườn trều rước, không rõ thế nào. Đời Lê, và khoảng niên hiệu Hồng-đức, có thi Tuyển sĩ; về sau có thi Đô lực sĩ. Đời Lê Trung hưng có khoa thi võ ở phủ chúa Trịnh, như cách thức như sau:

Đến đời Lê Quý Tồn, trong năm Bính-đất có mở võ học ở Thăng long, mở khoa thi để lấy người vào học. Con cháu các quan trải một kỳ thi gồm có ba trường, đỗ được vào học gọi là Học sinh Trường nhất hội Tôn tử đại nghị; trường thứ hai thi cưỡi ngựa đấu kiếm, môn đánh; trường thứ ba thi các phương lược Học sinh học tại Võ học năm năm thời qua một kỳ thi gọi là thi Bậc tử. Trước hết tới nghị các sách: Thái công thao lược, Hoàng-Thạch-công. Tôn tử Ngộ tử T-mã, binh-pháp, Duyệt tử Lý vệ công vấn đáp. Trường thứ ba thi đấu võ nghệ thi đấu khi Trương thứ ba hỏi về các cách thao lược và các phép công thủ khi lâm trận. Những người đỗ gọi là Tào-sĩ xuất thân.

Đến bản triều, đời đức Thế-tổ, không thấy sử chép gì về thi võ. Đến đời đức Thánh-tổ, năm Minh-mệnh thứ 17, ngài dụ cho các quan rằng các người võ nghệ giỏi, có sức lực, biết binh-pháp, nhà nước

nên thu dụng, và sai các quan định thể lệ thi võ:

Tuần lời dụ ấy, Bình bộ nghĩ định cách-thức thi võ. Tháng 8 năm Minh-mệnh thứ 18, có dụ định rằng: những năm Dần, Thìn, Tý, Quý mở khoa thi Hương, như năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu, mở khoa thi Bộ. Phép thi như trước nay tất thi mang nặng và múa côn sắt, trường nhị thi côn gậy và thi đánh, trường thứ ba thi bắn-súng. Mỗi kỳ đều tính học kém đưa ra các hạng ưu, bình, thứ, đệ. Trúng cả ba kỳ thời được vào học ở cử nhân, trúng được hai kỳ thời là võ ú tài. Võ cử nhân trước khi viết tên vào bảng phải qua một kỳ phúc hạch tới về sách Võ kinh mà quán-thông thời được đỗ lên Thi Hội cũng giống như thi Hương. Ấy trùng cả ba trường là trùng-cách. Những người trúng-cách, ai biết chữ, cho vào diện thi, người nào được nhẽ phân-số cho đỗ Võ tiến sĩ. Những người không được phân số cùng những người trúng cách chỉ biết võ nghệ mà không biết chữ, được miễn không phải vào diện thi đều cho đỗ Võ phó bảng.

Năm Thiệu-trị thứ năm, lại đổi những năm mở khoa thi. Những năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu mở khoa thi hương, những năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi mở khoa thi hội. Cứ thi văn xong thì kể đến thi võ. Tuy nghĩ định như thế mãi đến năm Tự-đức thứ 18, mới mở khoa Võ hội

thi lần thứ nhất, lấy đỗ hai người Võ tiến sĩ xuất thân và đồng Võ tiến sĩ xuất thân. Đỗ đầu là ông Vũ Văn Đức.

Năm Thiệu-trị thứ sáu, đức Hồng-đức cho Nội-các sai thợ in Võ kinh, được bốn mươi năm bộ, để ban cho các viên bên ở các dinh, vệ, cơ, đội, học tập. Sách Võ kinh dạy các phép tập võ và những cách xem giờ, chọn ngày, tìm phương hướng, coi thiên văn, xem địa-lý, tính nhâm-độn, cùng những phép chế địa lôi phục, thủy lôi phục, vân vân.

Còn trường thi thời đời Minh-mệnh có mở ở Thừa-thiên trước nhất, sau mở thêm ở Thanh-hóa. Đến tháng tám năm Tự-đức thứ 16, mở trường thi An-giang và tháng hai năm Tự-đức thứ 20, mở trường thi Hà-nội và Bình-dịch. Đời Tự-đức, lại mở trường dạy võ ở Kinh đô. Năm thứ 19, xây Kinh võ học đường ở trong thành, đặt quan chánh, phó học chánh để giám-đốt.

Các thức thi, chiều nghĩ định năm Thiệu-trị thứ năm, chia làm ba kỳ:

Kỳ thứ nhất xách tạ. Quả tạ đúc bằng chì, nặng 110 cân. Hai tay mỗi bên xách được một quả, đi được 16 trượng (độ 64 thước tây) gở ra, hoặc một tay xách một quả, đi được 32 trượng gở ra, thời là ưu-hạng. Xách hai quả đi được 12 trượng gở ra, xách một quả đi 24

trượng giở ra thời là bình hạng. Xách 2 quả đi được 8 trượng giở ra, xách một quả đi được 16 trượng giở ra thời là thứ hạng. Không được như các số ấy thời là liệt hạng.

Kỳ thứ hai thi múa côn sang. Đời Minh-mệnh, kỳ này thi múa côn và đấu gươm, đến đời Thiệu trị mới đổi cách này. Côn sắt nặng 30 cân, chia ba cầm một phần côn, vừa đi vừa múa, và làm bộ nhảy phót đâm đánh; đi được ngoài 60 trượng là ưu hạng, ngoài 50 trượng là bình hạng, ngoài 40 trượng là thứ hạng, không đủ số ấy là liệt hạng.

Ngọn sang (ngọn giáo) dài bảy thước bảy tấc. Người thi một tay cầm đốc sang, một tay cầm giữa khúc, đứng cách ngoài người đối diện 3 trượng, múa bảy độ ba bốn bước; rồi mất mũi cho kỳ chạy tuốt đến đâm vào giữa bụng-tâm-kích người đối diện. Đâm trúng mà suốt mũi giáo là ưu hạng, trúng không là bình hạng, trượt trượt qua là thứ hạng, không trúng là liệt hạng.

Kỳ thứ ba thi bắn súng. Đứng cách xa còi 50 bước 20 trượng 5 thước, bắn 6 phát súng. Hồ 2 phát trúng đích, 1 phát trúng vành tròn, 3 phát trúng ụ đất là ưu hạng. Một phát trúng đích, 1 phát trúng vành tròn, 4 phát trúng ụ đất là bình hạng. Hai phát trúng vành, bốn phát trúng ụ đất là thứ hạng. Sáu phát không trúng cả hoặc trúng đích được một phát còn không trúng ụ đất phát nào, là liệt hạng.

Quán cả ba kỳ, ai có ưu binh, cho đỗ vào hạng võ cử nhân, toàn một hạng tứ, cho đỗ vào hạng võ tú tài. Kỳ phúc hạch mỗi vài câu Võ kinh, thý văn lý mà chia thứ bậc trên dưới.

Phép thi Hội cũng y như phép thi Hương, duy mỗi kỳ phải nặng hơn thi hương một ít. Như thi Hương quả tạ nặng 110 cân, thì Hội quả tạ nặng 120 cân; thi Hương đi 16 trượng, thì Hội phải đi 20 trượng. Thi trúng cả ba kỳ, cho vào hạng trúng cả ba. Ai biết chữ, tinh nghệ thuật vào đình tại. Lỗi 3, 4 điều đại nghĩa trong Võ kinh và Tứ tử thư; 3 4 điều về phép dùng binh của các danh tướng đời xưa, 2 3 điều thời sự. Xét văn lý hơn kém mà định phân số. Ai có phân số thì cho đỗ vào hạng võ tiến sĩ, ban áo mũ, cưỡi ngựa, cho vinh qui, cũng như văn tiến sĩ. Ai không được phân số nào, hoặc chỉ đỗ hội mà không vào đình thí vì không biết chữ điền cho đỗ vào hạng võ phó-bảng.

Quan trường thời có một chánh chủ khảo và một phó chủ khảo, dùng quan văn tam phẩm và quan võ tam phẩm sung vào; 8 quan phân khảo, 4 quan văn, bốn quan võ; quan văn thời dùng lang-trung, viên ngoại, quan võ dùng quân-vệ, tiếp-quân. Mỗi vị 2 quan phân khảo, 1 quan văn, 1 quan võ. Còn đề-tuyển, giám-sát đều dùng quan văn; đề-tuyển dùng lang-trung, giám-sát dùng ngự-sứ, đề-phương giữ những sự gian lậu.

Tính phong NGUYỄN-TOẠI

« NHÀ QUÊ »

(Tiếp theo trang 2)

giải-cấp. Bởi vậy, vì khổ tự-vệ, nhiều người nhà quê muốn « dễ thở » một tí, phải cậy-cực, phải chạy-chạy phải luồn cúi để kiếm lấy cái bữa bộ thân bằng chút « danh phận » này khác. Lỗi « báo hư danh » này, ngoài cái tăng trách về cá nhân ra một phần lớn là do chế độ xấu xa gây nên vậy.

Ta cũng đừng thấy dân-quê không biết một chút yếu lược về chính-trị mà vội cười. Tội họ không tại họ. Họ thấy lâu, phần vì quanh năm đầu tắt mặt tối, không được ai « rau gỏi » cho chút thưởng thức về môn công-dân giáo-dục, phần vì vị thực-dân gần hăm họ trong vòng chính-sách ngu-dân, đầu độc họ bằng những tin-tưởng vớ vẩn, hão-huếch, có hại. Nếu nay làm cho họ đủ ăn, đủ mặc, rồi dạy cho họ biết một môn thưởng thức, thì có lẽ họ không sử-dụng nổi một cái phiếu bầu. Khi họ có quyền phổ thông tuyển-cử?

Nói tóm, họ bấy nay phải mang tiếng oan là « nhà quê », là hạng người dùng làm đối-tượng để cho người ta chế giễu, cười qua chỉ vì họ bị áp-bách về kinh-đế, áp-bách về chính-trị, nên từ thế chỗ đến tình-thế, họ mới có những đêm khuyết-hâm để kể chuyện khác cười cợt nhạo-búng đó thôi.

Từ nay trở đi, nếu họ được đủ điều kiện để làm người công-dân, thì tôi tin rằng không phải đợi đến mười năm giáo-hội như chương-trình, hưng phật của người xưa họ, trong một thời-giới ngắn ngủi có thể trở nên hạng dân có tư-cách và phẩm giá đời.

HOA-BÁNG

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 10

Ung hân NGUYỄN-VAN-TỐ

Chương thứ chín trong quyển *Việt-nam văn-học sử-yếu* của ông Dương Quảng-Hàm nói về « các lối văn cử-ngiệp viết bằng chữ nho... », có câu: « kinh-nghĩa, văn-sách, chiếu, chế, biểu chỉ là những lối văn ứng thi dùng trong trường ốc; ngoài ra ít khi dùng đến » (trang 87). Kinh-nghĩa và văn-sách thì « ít khi dùng » thật; còn thư chiếu, chế, biểu có phải chỉ « dùng trong trường ốc » mà thôi đâu? Có lẽ ông Hàm cho chiếu, chế là lời của vua, nên « ít khi dùng », nhưng chỉ những người thi không đỗ, hoặc thi đỗ rồi không ra làm quan thì mới « ít khi dùng »; còn những bậc hiền tài, đã đỗ rồi, được coi vào ban làm, và những văn thư trong nội các, thì thường phải soạn những chiếu, chế, cáo, dụ thay vua. Như Nguyễn Trãi khi theo vua Lê Lợi, « phàm những thư đi lại với người Minh và những bài hiền dụ các thành, đều Nguyễn Trãi làm ra » (*Việt sử đồng minh*, q. 4 tờ 17 a) và soạn bài *Biên Ngô đại cáo*. Đãi công Soạn sau khi đỗ, được vua Lê Lợi cho làm đầu mục sung chức sứ sang nhà Minh cầu phong và tâu về việc làm con cháu họ Trần » (*Lịch triều hiến chương*, số A 50 q. *Nhân vật chí*, tr. 96,) tức là phải làm bài biểu thay vua Lê Lợi. Nguyễn Thiếp đỗ khoa hoanh từ rồi, được « thâu dự những từ mệnh

về việc bang giao » (*Lịch triều hiến chương*, số A 50, q. *Nhân vật chí*, tr. 99). Nguyễn Trãi đỗ trạng nguyên rồi, « gặp thân tang về nhà dạy học trò, lễ cô hàng nghìn, khi hết tang thì vừa gặp sứ Tàu sang, vua sai soạn những thư từ đi lại và bài biếu mừng vua Tàu lên ngôi » (*Lịch triều hiến chương*, A 50, *Nhân vật chí*, tr. 105) Lương thế Vinh sau khi đỗ trạng nguyên được vua cho coi viện hàn lâm kiêm sung văn quán tử lâm cụ, « phàm những từ mệnh về việc bang giao, đều vắng mệnh nghĩ soạn » (*Lịch triều hiến chương*, A 50, q. *Nhân vật chí*, tr. 109) Lại như Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận làm tào quan phó nguyên soái đời Lê Thánh tông... Các ông ấy thường phải soạn những chiếu, chế, cáo, dụ thay vua. Còn biểu là thể văn của bày tỏ dâng vua. (hay của vua ta dâng vua Tàu) thì bất cứ là người học trò nào đã thi đỗ ra làm quan tưởng phải dùng đến; thế mà ông Hàm cho là lối văn chiếu, chế, biểu chỉ dùng trong khi đi thi là nhầm. Ông Hàm lại nói trái với câu « chiếu, chế, biểu là lối văn ứng thi, chỉ khi nào thi đỗ làm quan mới có dịp dùng đến » cũng ông viết ở trang 90.

Cùng trang 87, ông Hàm nói « Lối kinh-nghĩa thông-dụng nhất là lối bát cổ — tám vẻ »: thế thì không ai hiểu rằng kinh-nghĩa có mấy lối. Thiết tưởng nên nói như thế này: « Lối văn kinh-nghĩa

tục thường gọi là bát cổ, bắt đầu từ đời Thành-hóa (1465 — 1487) nhà Minh. Từ đời Thuận-thuận (1457 - 1464) trở về trước kinh-nghĩa cốt nói cho rõ nghĩa ở truyện, chủ, hoặc làm đối-nhau hoặc làm tản-văn không có định-cách; đến năm thứ 23 hiệu Thành-hóa (1487) gặp khoa thi Hộ, bấy giờ mới định ra lối bát cổ. Ở nước ta thì lối kinh-nghĩa bắt đầu từ năm thứ 9 hiệu Quang-thái đời Trần-Thuận-tông, sử *Khâm-dịnh* (q. 11, tờ 24 b) chép thích « kinh-nghĩa có phá - đề, tiếp ngữ, vãn giảng, nguyên đề, đại-giảng, xước kết » thì rõ lẽ cũng là lối văn bát cổ. Còn chữ « biếu văn » ông Hàm giải nghĩa « biếu: hai con ngựa chạy song đôi » (cùng tr. 87); như thế thì hơi nát nghĩa. *Từ nguyên* (q. 1, tr. 17) giải chữ biếu có ba nghĩa: « 1 là hai ngựa đi song đôi; 2 là đều bằng nhau; 3 là phàm vật gì ngang nhau gọi là biếu, lối văn đối nhau gọi là biếu-văn ».

Đến chỗ định nghĩa văn sách, ông Hàm có câu: « Văn sách là một thể văn không có vãn, thường thì có đối, nhưng viết thành văn xuôi cũng được », (trang 88). Tôi tưởng nên cắt nghĩa « văn sách là thể văn không có vãn, thường chỉ có đối nhưng đối từng đoạn một, nên các bậc tiền bối dạy học trò tập làm văn sách, trước phải tập làm đoạn một. Trong đoạn một ấy có khi viết lối văn xuôi cũng được nhưng đoạn văn xuôi này phải đối với đoạn văn xuôi kia ».

Dưới đoạn văn sách ở trang 88 nên thêm một đoạn như thế này : « Chữ sách có nhiều nghĩa, nhưng dính vào việc văn tự thì có ba nghĩa : 1 là nhiều thẻ tre xâu lại gọi là sách. Đời xưa không có giấy, bút, việc lớn thì viết vào sách, việc nhỏ thì viết vào thẻ tre ; 2 là quan chế đời Hán, vua dùng hoặc bãi chức quan nào, thường viết vào thẻ tre, gọi là sách thư ; 3 là tên một thể văn, như bài *Lưu-an-sách* của Gã ngỗ, bà *Hiền lương* đối sách của Đoàn-trọng Thư ».

Về chỗ định nghĩa chiếu, chế, biểu cũng trang 88, ông Hàm có câu : « Chế là lời của vua phong thưởng cho, công-thần », đến chỗ lời chú ở trang 89, ông Hàm lại viết câu : Sách là « lời vua phong thưởng cho thần dân hoặc : bách thần » ; nói như thế thì có lẽ không hiểu là bài chiếu với bài sách có khác nhau hay không. Tôi tưởng nên giảng ra như thế này : « Chiếu nghĩa đen là dạy bảo. Đời xưa thì người trên sai người dưới gọi là chiếu, là Tấu (246-207 trước T.-C.) Hán ; (206 tr. T.-C. 219 sau T. C.) trở về sau, thì chỉ Thiên-tử mới được xưng là chiếu. Lời nói của vua gọi là chiếu, lời nói của hoàng-hậu hoặc thái-tử gọi là lệnh. Chế là lời nói của thiên-tử (như thế thì nghĩa chữ chiếu với chế giống nhau). Những chính-sự lớn của nhà nước ban bố cho thần-dân gọi là chiếu - thư, dùng giấy vàng viết chữ đen. Những mệnh lệnh của vua-đề-tả n phép tắc gọi là chế-thư. Theo chế-độ nhà Hán, lời của Hoàng-đế viết xuống có 4 tên : 1 là sách thư, 2 là chế-thư, 3 là chiếu-thư, 4 là giới-sắc. Sắc nghĩa đen là răn, đời xưa thì vua tới răn nhân. Từ Hán, Đường trở về sau, thì những lời của thiên-tử

ban bố cho thần-dân, gọi là chiếu sắc, có khi chỉ dùng một chữ sắc ; cũng như đời sau gọi là dụ-chỉ. Lại có khi gọi là sắc - thư, hoặc sắc-dụ, phần nhiều dùng giấy vàng chữ đỏ. Thế là mấy chữ chiếu, chế, sắc, dụ chỉ, đều gần giống nghĩa nhau ».

Trong lời chú ông Hàm giải nghĩa Cáo là « lời của vua tuyên-bố một chủ nghĩa hoặc kết q ả một ông cuộc gì cho dân biết » (trang 89) bấy giờ thế nghĩa. Cáo - mệnh và cáo - sắc là lời của vua phong cho các quan. Theo quan-thế nhà Minh, các quan văn võ trong triều ngoài nước, từ thất phẩm trở lên đều được cáo-sắc phong tặng cho ông bà cha mẹ từ ngũ phẩm trở lên gọi là Cáo-mệnh, từ lục phẩm trở xuống gọi là Sắc-mệnh. Quan chế của triều ta cũng như thế.

Cũng trang 89 ông Hàm giảng nghĩa chữ Hịch là « bài của vua, tướng, hoặc người lớn - tự một đảng, kể tội kẻ thù để khuyến-khiến tướng sĩ và nhân-dân » cũng thiếu nghĩa. Nên giảng thêm rằng : « Đời xưa những kẻ ở v ệ : quan thường dùng tờ gỗ dài một thước hai tấc, để dùng về việc với một người nào hoặc hèn dụ việc gì hoặc khiển-rách ai ».

Dưới đoạn định nghĩa chữ biểu, nên thêm rằng : những lời của thần dân tấu lên vua, còn có tên là sớ, tấu, chương, khải, trạng, v. v. Sớ nghĩa là dâng tr ả. Những bài của nhân-t ả tấu kể v ệc gọi là tấu lại có nghĩa tấu dân nó với vua cũng là tấu. Trong các lời thần-b ả dâng thơ lên vua, lại có lời gọi là chương khải nghĩa đơn là mở cũng như bày ở. Trạng là lời văn tự thuật sự thực mà bày tỏ với người trên ; những giấy tờ v ệc quan cũng có lời v ầu ấy

(còn nữa)

Ông-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Những ngày cuối cùng

(Tiếp theo trang 9)

Nhớ mẹ

« Nay mai con sắp xuống hầm
chưa
Vĩnh biệt hay đau buồn vắng
nhà.

Sao Vực một vầng trời Bắc sáng,
Tìn hờng muôn dặm bờ Nam
xa.

Ngọt-ngon hôm sớm bao sầu
lỗi,

Hơi tiếng ra vào những xót xa.

Mhơn tội trót đánh con thất
hầu,

Chỉ là ai tin nảo lòng già ».

Lưu giữ các bạn
trong, ngoài

« Sáu mươi mốt lễ tuổi trời cho,
Băm tám năm tròn nước gọi
phủ,

Keo v ật trước lan, keo kể ngã l
Ván bài kia xóa, ván sau mua l
Loay hony lấp bề, công không
chấn,

Cặm cùi đời non, chỉ vẫn ngu,

Chỉ có cái thân thường lạ ngã,

Tĩnh trung chừng được kiếp
này tu. »

Rồi đây, nhà làm sử cầm bút chép trên V ật nam cá l ị mệnh sử nhà không quên chép Dương Bá Trạc gần với nhà chí sĩ Mã-sơ Nguyên (tức là H ầu ngự đã giở lại đem giao thoa hóa tăng của mình rắc trên mặt sông Tiền Đường chảy về nam nhà chí sĩ họ Dương cũng cùng họ nhà anh, mà năm giao thoa đã được từ Cao-m-nam đem về nước.

Trên đại kỷ-niệm cũng như trong tâm người nước này, ai ai là không ghi cái lòng hi-sinh của họ Dương bên cạnh những hi-sinh của bất-bao chí sĩ đã hóa thân trên bàn thờ Tổ-quốc.

TIỀN DAN

LỄ KỶ NIỆM NGUYỄN THÁI HỌC VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ TẠI HANOI

Chở nhật 17 tháng 6, là ngày đồng-chí Nguyễn-thái-Học chủ-tịch Việt-Nam Quốc Dân-Đảng cùng 12 đảng-viên đã bị quân thù tàn sát tại Yên - Bái.

Xin toàn-thể quốc - dân ta hãy đóng cửa treo cờ suốt trong ngày ấy và đúng 10 giờ sáng, hãy tới dự lễ kỷ-niệm chung tất cả các vị anh-hùng, liệt-sĩ suốt trong sáu chục năm Pháp-thuộc, đã hi-sinh thân-mạng vì quyền-lợi của Quốc-Gia, vì hạnh - phúc của Đồng-bào.

Lễ ấy, do các Tỉnh - Đảng - Bộ của V.N.Q.D.H. tổ chức tại các tỉnh lỵ, các nơi Riêng Vĩnh-Yên, lễ sẽ làm tại phủ-lỵ Vinh-Tương, cạnh ngay lăng Thờ - tang quốc Nguyễn-Thái-Học.

ở Hà-nội, do Trung Ương Đảng-bộ đứng chủ-lễ, và các giới, các đoàn-thể, quốc-dân vui lòng tâu trợ, tham gia

Nơi hành-lễ : Trên Núi Kiếm-Sơn trong vườn Bách-Thảo,

Giờ khai-lễ : Đúng 10 giờ sớm mai.

Chương trình hành-lễ ở Hà-nội theo thứ-tự sau này :

- 1 — Khởi kiêng trống,
- 2 — Tuyên đọc chương-trình hành lễ.
- 3 — Nối pháo hiệu.
- 4 — Cử nhạc.
- 5 — Đoàn chủ lễ dâng hương hoa.
- 6 — Các người dự lễ mặc-tượng và truy niệm.
- 7 — Đọc văn-tế.

8 — Các quan khách hữu-hạng, các đại-biểu các giới, các đoàn-thể lần lượt hành lễ.

9 — Đoàn chủ lễ đáp tạ các quan khách.

10 — Bêu d ãn (các đại - biểu các tỉnh, các thanh-niên vô-trang).

11 — Diễn viãng (Bộ truyền-truyền Trung-Ương cùng đại-biểu các giới, các đoàn-thể.

12 — Lễ tất (phường nhạc cử bài Tiếng-gọi Tân - niên, trong khi mọi người trí kính trước bàn thờ rồi giải-tán có trật-tự theo nhời chỉ-dẫn của ban tổ-chức.

Suốt trong cuộc lễ, ban Tuyên-Truyền Trung-Ương sẽ bán cuốn tiểu-sử Nguyễn-Thái-Học ngay nơi hành-lễ.

Đ. V. Q. G. L. M.

V. N. Q. D. H.

kính cáo

Sách mới

Tri-Tân mới nhận được :

— Gửi - hương cho gió của Xuân Diệu.

Thời Đại xuất bản—giá 12\$

— Nghề thầy của Hoàng dạy-Thúy.

Thời Đại xuất bản giá 4\$50.

Xin cảm ơn nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn.

T. T.

Các bạn nên cđ động giúp :

BÌNH DÂN THANH NIÊN THƯ VIỆN
(16 Ngõ Hàng Vải Hanoi)

NHỮNG ÔNG NGHỀ...

(Tiếp theo trang 5)

tụng ngày xưa một cách gián tiếp hay trực tiếp, vô tình hay cố ý đều chỉ là cái dây dưa của phong kiến (1?). Tùy theo hoàn cảnh riêng và mục đích riêng của từng người, hay từng bọn người viết, nó có thể có những sắc thái khác nhau, nhưng tựu chung nó đều làm thành một cản trở đáng chú ý cho Tiến hóa (1?). Nó làm chao người ta muốn quay đầu trở lại (1?). Quay đầu trở lại thì còn mắt nào nom thấy tương lai, thấy con đường tiến hóa được? (tr. 73-74).

Tuế nghĩa là không phải học sử, không phải chép những truyện đã qua, vì những truyện của một nước hay của một người đều (cản trở) cho cuộc tiến hóa!

Sao ông Nguyễn-xuân-Huân lại có ý kiến lạ như thế? Ông « bình luận văn học », tất ông phải biết rằng: phạm dân nào đã thành nước cũng phải chép sử, thì mới hòng giữ được cái tinh thần tiến thủ. Những nhà chép sử có tiếng xưa nay thường vì một nước hoặc một người, như một cái cây có rễ, có gốc, có cành lá hoa quả. Rễ vì ông cha, tức là dĩ-yang; gốc vì đời ta, tức là hiện tại; cành, lá, hoa, quả, vì con cháu, tức là tương lai; phải có đủ ba phần như thế thì mới « thấy con đường tiến hóa », không thì lấy gì làm mục thược? Tự ngữ ta cũng có câu ngụ ná như

thế, như câu : « Nước có nguồn, cây có gốc » ; « ấu quả nhỏ kể giống cây », v v ; lại có cả câu ngụ ý tương lai như câu : « Con hơn cha là nhà (tức nước) có phúc », v. v.

Tôi nhắc qua như thế cũng đủ, bắt tất phải trả lời cho dài dòng, vì sách Âu Á nói về sự ích-lợi của sử học in ra nhiều lắm, ai xem cũng cho là phải, không ai còn phải bàn cãi gì nữa.

Sở dĩ tôi viết mấy dòng này là vì có nhiều độc-giả khuyên tôi nên trả lời qua loa, kẻ có người ngộ-nhận chẳng Có ông lại viết thư nói rằng « việc thu thập những tên ông nghệ tr-iều Lê là một việc đáng lẽ phải làm đã lâu rồi, vì phần đông những ông nghệ ấy có quan hệ đến sử Đại-Việt ». Có nhà khảo cứu lại bảo tôi nên « bỏ hào làm một quyển tự vi danh nhân để giúp bà con có chỗ sưu tầm » (thư của cụ Trần văn Độ giáo học hưu trí ở Nam-dịnh, viết cho tôi ngày 25-4-1945). Thế lại càng rõ lời « bình-luận » của ông Huy không đúng một tý nào cả.

(còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ



Nước nhà đã được giải-phóng

Quốc-dân nên dùng lịch giải-phóng

LỊCH VIỆT-NAM

năm Bính-tuất (1946-47)

LONG HIỀN biên tập

- Lịch Việt nam lấy ngày ta làm chủ, có phụ thêm ngày dương lịch.
- Lịch Việt-nam có in các ngày lịch-sử.
- Lần này có 13 tháng từ 28-11 Ất-dậu (1-1-46) đến 30-12 Bính-tuất (21-1-47).

Giá mỗi tập... 12 \$ 00

- Các nhà thương-mại, kỹ-nghệ muốn đặt nhiều, có in tên hiệu, xin mời lại 95 phố Chancelulme Hà-nội thương-lượng.
- Lịch in có hạn, xin mau mau đặt trước.

TY XUẤT-BẢN TRỊ-TÂN
KIỂM-ĐO

TIÊU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Cư

« Khiến nhàn lỏng An-Tư công-chúa
vui Thoát-Hoan, đọc thư quốc nạn đã. »
(Đội Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn miễn thân

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Số 34

Quang Khải cho chèo thuyền lên và nói :

— Ta gặp chử ở đây, lại thêm một hồ tướng không lẽ nào lại không đánh được Thoát Hoan.

Chiêu thành vương nghiêng mình khiêm tốn. Một chiến thuyền bỗng chèo nhanh như gió rẽ lên. Nhìn ra thì là thuyền của Hoài văn hầu Trần quốc Toản, dẫn thuyền phấp phới lá cờ : « *Phá cường địch báo hoàng ân* ». Toản cười và nói :

— Chú cháu lại gặp nhau đây. Thế chử lại, không có lý nào chử lại bỏ lỡ dịp vào Thăng-long cứu Công-chúa. Cháu đang mong chử.

Sau trận thắng oanh liệt ở Hàm tử quan, Chử thành vương gắng sức tiếm anh hùng. Nghe tin Triều đình cử Chiêu-minh vương ra tái khôi phục Thăng-long, Chiêu-thành vương vội vào xin Chử văn vương cho đem quân bản bộ đi theo Thượng tướng. Chử văn vương ngửa ngai không muốn cho đi, nói :

— Nay Toa Đô chỉ đợi dịp là đánh lại, ta được tướng lệnh phải giữ không cho nó tiến, Công việc không

phải là nhỏ. Nếu chử đi thì ta còn ai giúp việc nữa ; quân Toa Đô đã thực bại hãn dân ? Hoài văn hầu đi rồi, chử lại đi nốt, coi sao tiện ?

Trần Thông cô năn nỉ và nói :

— Đại vương đã truyền, tôi đâu dám trái lệnh. Chỉ nghĩ suốt hai tháng trời, ngày đêm tôi chỉ mong mỗi ngày nay, nay thời-cơ đã đến mà không được đi, thì còn mặt mũi nào nữa, cúi xin Đại vương chiếu trau cho.

Chiêu văn vương biết ý, ngẫm nghĩ hồi lâu rồi đáp :

— Tình nghĩa của chú với em ta thực là thâm trọng. Ý ta muốn giữ chử ở đây, nhưng chử đã nhất định đi ta cũng chiều lòng. Chử cô gặp Công-chúa, nói hộ rằng ta bận việc quân không đi được, nhưng vẫn nhớ Công-chúa và có nhờ tôi thăm.

Chiêu-thành vương nghe Chiêu-văn vương nói, giọng ôn tồn âu yếm, rõ ra nhờ của anh vợ đối với em rể. Chẳng sửa soạn ngay, Vào từ biệt Chiêu-văn vương và các bạn ở Hàm tử quan. Mọi người đều nói :

— Vương di phen này, chẳng lời xin chử vương mọi sự được may mắn Anh em vẫn mong được ra Bắc cứu Công-chúa, không ngờ lại để bạn ở đây, lấy làm ân hận lắm.

Đoàn quân Tinh-cương được lệnh đi đánh Thăng-long, sung sướng như mở cờ trong bụng. Thực là một điều vinh dự đặc biệt cho họ là được dự vào trận lớn lao ấy. Hình ảnh người yêu của chủ tướng lại hiện lên giữa khung ảnh những lâu đài tráng lệ, với nếp hoàng thành muôn thủa. Nàng nhường mím cười với quan quân và nhất là đoàn quân của chính người yêu.

Dân quân, binh tướng của Triều đình, dưới quyền chỉ huy của Chiêu-minh vương, tiến thẳng về phía Thăng-long. Có hàng nghìn chiến thuyền, hàng muôn vạn người. Cờ rồng trống mõ, đêm đến đèn đuốc sáng trưng, tướng sĩ ca hát vang lừng, hoặc đọc những câu hùng tráng trong bài Hịch tướng sĩ. Họ gõ mạn thuyền lấy đi lấy lại những điệp khúc thân yêu.

Tin ấy báo ở Thăng-long, quân Mông cổ nào đông ca lên. Thoát Hoan suốt đêm ngày ở trong quân, bàn kế chống giữ, không có lúc nào rảnh việc về Cảnh-linh cung. An Tư mong manh tin quan nhà sắp tới, lòng nàng hồi hộp ; nàng đứng ngồi không yên, nhưng vẫn phải cố trấn tĩnh để khỏi lộ tình ý. Không có lý nào nàng lại phục ước.

Trọng khi ấy quan quân và dân quân đêm gần mãi bên Chương đống. Quân sĩ hoan hô, như những khách chào hội đã đến đất

SÁCH MỚI

Bản-chí này tiếp được quyền tiền-sử và thơ văn Dương-Bá-Trạc, sách có ảnh, tự tích và di-bút do cụ Trần-Trọng-Kim đem từ Chiêu-Nam về; lại có phụ thêm đủ những bài văn trong thời kỳ Đông-Kinh nghĩa-thực và loạn bản Hải ngoại huyết thư (gần 800 câu) của Phan-bội-Châu gửi về do cụ Từ-Long Lê-Đại đi ra vẫn vẫn rất hay (bản này rất hiếm vì năm 1913, ai giữ bản này đều bị 20 ki lô sai) so h cây con 200 trang, hạng giug tốt 9\$ giũy bza 6\$ 50 — do hiệu Bông lấy-195 hàng Bông Hà-nội phát hành.

Bản-chí xin vui lòng giới thiệu quyền sách rất hay này với các độc-gia.

Đã có bán:

DÊM HỘI LONG TRÌ

Lịch sử liên thuyết của NGUYỄN-HUY-TUỞNG

GIẤ 3\$ 60

Duy nhất

ơ - quan kiến - thiết một nền văn-hóa mới duy - nhất khoa - học và Đạo - học
Xuất bản mỗi tháng 2 kỳ vào ngày 1 và 15
Tòa soạn tại Nam định hộp thư số 20

Giá báo

mỗi số 1\$ 50
6 tháng 18\$ 00
một năm 35\$ 00

Công-sở và các hội giá gấp đôi.

Thư và ngân phiếu gửi về:

ông LÝ QUỐC SINH

nhà in Quang Kỳ a 173 Hàng Bông — Hà-nội

TRI-TAN TAP-GHI

MỤC LỤC SỐ 191

« Nhà quê » Hoa-Bằng
Tinh thần độc-lập Nguyễn-Phường
Nhời thơ Đinh-lú-Lâm và Hoàng v.-Sĩ
Những ông nghệ thuật (XII) Ung-Hoè
Kỷ niệm Nguyễn-thái-Học
và các đồng chí... Phạm-mạnh-Phan
Đại nam dật sự (LXIII) Nguyễn-văn-Đỗ
Những ngày cuối cùng của
Dương bá Trạc ở Chiêu-nam Tiên-Đạm
Thời đại mới, tư tưởng mới Long-Điền
Phép thi võ của ta xưa Nguyễn-Tọa
Việt-nam văn học sử (X) Ung-hoè
An-tơ (tiền-thuyết, XXXIII) Ng-huy-Tuởng

GIÁ BÁO

Một năm	55\$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chancelme — Hà-nội.

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-Trung-Thành 51, phố Cầu-lắt — Hải-phòng
Vũ-ngọc -Cứ 40, phố Đông-không — Hải-dương

TAP-CHÍ VĂN-HÓA: Do nghị quyết ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm q án lý. Nguyễn-T rung-Phượng

Nhà in 95 — 97 Chancelme, Hà-nội